

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K6 NĂM 2016

Tháng 4 năm 2016

TT	Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	8	592	595	3	12.870	38.610	
2	102	5	710	716	6	12.870	77.220	
3	103	8	1.066	1.091	25	12.870	321.750	
4	104	5	624	642	18	12.870	231.660	
5	105	8	1.038	1.042	4	12.870	51.480	
6	106	8	1.047	1.062	15	12.870	193.050	
7	107	PSHC				12.870	0	
8	108					12.870	0	
9	109	8	1.067	1.090	23	12.870	296.010	
10	110	8	822	849	27	12.870	347.490	
11	111	8	923	950	27	12.870	347.490	
12	112	5	1.009	1.029	20	12.870	257.400	
13	113	8	977	994	17	12.870	218.790	
14	114	8	997	1.014	17	12.870	218.790	
15	201	8	1.365	1.402	37	12.870	476.190	
16	202	2 Lào	1.009	1.020	11	12.870	141.570	
17	203	4 Lào	1.290	1.347	57	12.870	733.590	
18	204	7	850	879	29	12.870	373.230	
19	205	6	1.081	1.081	0	12.870	0	
20	206	6	1.084	1.110	26	12.870	334.620	
21	207	7	1.110	1.138	28	12.870	360.360	
22	208	0	832	855	23	12.870	296.010	
23	209	8	1.113	1.145	32	12.870	411.840	
24	210	4 CPC	1.648	1.681	33	12.870	424.710	
25	211	8	1.299	1.325	26	12.870	334.620	
26	212	2 CPC	951	968	17	12.870	218.790	
27	213	8	1.241	1.269	28	12.870	360.360	
28	214	8	732	749	17	12.870	218.790	
29	301	3 Lào	819	833	14	12.870	180.180	
30	302	8	1.068	1.090	22	12.870	283.140	
31	303	0	969	972	3	12.870	38.610	
32	304	8	1.054	1.074	20	12.870	257.400	
33	305	8	810	830	20	12.870	257.400	
34	306	7	909	926	17	12.870	218.790	
35	307	PSHC				12.870	0	
36	308					12.870	0	
37	309	8	927	946	19	12.870	244.530	
38	310	8	974	1.009	35	12.870	450.450	

39	311	8		1.149	1.174	25	12.870	321.750
40	312	7		905	929	24	12.870	308.880
41	313	6		840	863	23	12.870	296.010
42	314	8		1.092	1.118	26	12.870	334.620
43	401	8		747	763	16	12.870	205.920
44	402	8		929	962	33	12.870	424.710
45	403	7		895	914	19	12.870	244.530
46	404	7		709	742	33	12.870	424.710
47	405	8		698	716	18	12.870	231.660
48	406	8		786	805	19	12.870	244.530
49	407	8		791	813	22	12.870	283.140
50	408	8		767	795	28	12.870	360.360
51	409	3	Lào	964	964	0	12.870	0
52	410	8		837	864	27	12.870	347.490
53	411	8		75	86	11	12.870	141.570
54	412	8		887	912	25	12.870	321.750
55	413	7		659	664	5	12.870	64.350
56	414	8		724	745	21	12.870	270.270
57	501	7		536	547	11	12.870	141.570
58	502	7		417	426	9	12.870	115.830
59	503	8		477	493	16	12.870	205.920
60	504	8		566	577	11	12.870	141.570
61	505	6		648	664	16	12.870	205.920
62	506	8		637	657	20	12.870	257.400
63	507	0		540	543	3	12.870	38.610
64	508	6		696	721	25	12.870	321.750
65	509	0		549	558	9	12.870	115.830
66	510	8		503	520	17	12.870	218.790
67	511	7		506	524	18	12.870	231.660
68	512	2		513	517	4	12.870	51.480
69	513	8		786	811	25	12.870	321.750
70	514	6		714	734	20	12.870	257.400
	Cộng	429				1.295		16.666.650

(Bảng chữ: Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà